

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY**

Số: 956 /TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lệ Thủy, ngày 20 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO

Kết quả trúng tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục&Đào tạo năm 2020

Thực hiện Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch số 373/KH-UBND ngày 28/02/2020 của UBND huyện về việc tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục&Đào tạo năm 2020; Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt kết quả kỳ xét tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục&Đào tạo năm 2020, UBND huyện Lệ Thủy thông báo kết quả trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục&Đào tạo năm 2020, cụ thể như sau:

1. Tổng số người trúng tuyển: 87 người, trong đó:

- Giáo viên: 74 người;
- Nhân viên: 13 người.

(Có danh sách kèm theo)

2. Người trúng tuyển phải trực tiếp đến Phòng Nội vụ huyện Lệ Thủy để hoàn thiện hồ sơ dự tuyển theo quy định trong thời gian từ ngày 23/5/2020 đến hết ngày 24/5/2020 (buổi sáng: từ 08 giờ đến 11 giờ; buổi chiều: từ 14 giờ đến 17 giờ), hồ sơ bao gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày hoàn thiện hồ sơ;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày hoàn thiện hồ sơ;

- Bản sao có chứng thực Giấy khai sinh;

- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp thì phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt (*lưu ý đem theo bản gốc để đối chiếu kiểm tra*);

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có).

Lưu ý: Các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc ở vị trí việc làm phù hợp với vị trí việc làm đăng ký xét tuyển thì nộp thêm bản sao có chứng thực Sổ bảo hiểm xã hội hoặc Tờ khai diễn biến quá trình tham gia bảo hiểm xã hội do cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp.

UBND huyện thông báo để các cơ quan, đơn vị liên quan và thí sinh trúng tuyển được biết. / *Ueda*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh QB;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ (niêm yết);
- Đăng Website UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Đại Tĩnh

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 056 /TB-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Lệ Thủy)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn đăng ký xét tuyển			Chứng chỉ			Đối tượng ưu tiên	Mã số đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm	Kết quả điểm xét tuyển			Ghi chú
						Trình độ	Chuyên ngành	Loại hình đào tạo	Tiếng Anh	Tin học	Khác				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	
01	Hồ Thị Loan	14/8/1995	Nữ	Vân Kiều	Kim Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	Chính quy	B	B		Người DTTS	01MNCT	GV Mầm non	51	5	56	
03	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03/10/1992	Nữ	Kinh	Hoa Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	B			01MN	GV Mầm non	99		99	
12	Lê Thị Bích Hào	13/02/1993	Nữ	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	Từ xa	B	B			01MN	GV Mầm non	99		99	
13	Nguyễn Thị Hào	12/8/1992	Nữ	Kinh	Phong Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	B			01MN	GV Mầm non	99		99	
18	Mai Thị Minh Huệ	03/01/1985	Nữ	Kinh	Phú Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	B			01MN	GV Mầm non	98,5		98,5	
19	Nguyễn Thị Huệ	23/10/1994	Nữ	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	B			01MN	GV Mầm non	98,5		98,5	
28	Dương Thị Ngọc Lan	08/10/1993	Nữ	Kinh	Hung Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	B		Con BB	01MN	GV Mầm non	98,5	5	103,5	
32	Lê Thị Hào Linh	30/6/1994	Nữ	Kinh	Thanh Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	Chính quy	B	B		Con BB	01MN	GV Mầm non	99	5	104	
33	Nguyễn Thị Linh	14/8/1995	Nữ	Kinh	Liên Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	B			01MN	GV Mầm non	99		99	
35	Nguyễn Thị Hồng Liu	20/11/1993	Nữ	Kinh	Tân Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	Chính quy	B	B			01MN	GV Mầm non	99		99	
36	Hoàng Thị Loan	20/02/1996	Nữ	Kinh	Kiến Giang, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	Chính quy	B	B			01MN	GV Mầm non	98,5		98,5	
43	Đào Thị Minh Nguyệt	20/10/1993	Nữ	Kinh	Kiến Giang, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	B			01MN	GV Mầm non	99		99	
45	Lê Thị Nhân	20/6/1993	Nữ	Kinh	Xuân Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	UDCNTT CB			01MN	GV Mầm non	100		100	
49	Trần Thị Nhung	15/02/1997	Nữ	Kinh	Liên Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	Chính quy	B	UDCNTT CB			01MN	GV Mầm non	98,5		98,5	
50	Trần Thị Nhung	08/10/1996	Nữ	Kinh	Phong Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	B			01MN	GV Mầm non	99		99	
51	Đỗ Thị Như	13/10/1993	Nữ	Kinh	Xuân Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	UDCNTT CB			01MN	GV Mầm non	99		99	
52	Dương Thị Oanh	25/11/1993	Nữ	Kinh	Tân Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	Chính quy	B	B			01MN	GV Mầm non	99		99	
53	Hoàng Thị Hồng Oanh	11/7/1992	Nữ	Kinh	Kiến Giang, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	B			01MN	GV Mầm non	99		99	
61	Trương Thị Phương Thảo	15/12/1996	Nữ	Kinh	Xuân Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	Chính quy	B1	UDCNTT CB			01MN	GV Mầm non	99		99	
67	Trương Quỳnh Thương	09/9/1990	Nữ	Kinh	Thái Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	B			01MN	GV Mầm non	99		99	
68	Võ Nữ Huyền Trang	22/7/1997	Nữ	Kinh	Kim Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	Chính quy	B1	UDCNTT CB			01MN	GV Mầm non	99		99	
70	Nguyễn Thị Tuấn	09/9/1986	Nữ	Kinh	Thanh Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	B			01MN	GV Mầm non	99		99	
73	Lê Thị Hải Yến	04/10/1993	Nữ	Kinh	Kiến Giang, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD Mầm non	VLVH	B	B			01MN	GV Mầm non	99		99	
75	Trương Thị Anh	28/10/1995	Nữ	Kinh	Hung Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	Chính quy	B1	UDCNTT CB			02TH	GVTH dạy đại trà	98,5		98,5	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn đăng ký xét tuyển			Chứng chỉ			Đối tượng ưu tiên	Mã số đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm	Kết quả điểm xét tuyển			Ghi chú
								Trình độ	Chuyên ngành	Loại hình đào tạo	Tiếng Anh	Tin học	Khác				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	
25	78	Hoàng Đức	Duẩn	13/4/1986	Nam	Kinh	Kiến Giang, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	VLVH	B	B		Con BB	02TH	GVTH dạy đại trà	98	5	103	
26	81	Dương Thị Lệ	Giang	06/7/1997	Nữ	Kinh	Mai Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	Chính quy	B1	UDCNTT CB			02TH	GVTH dạy đại trà	98,5		98,5	
27	82	Phạm Thị	Giang	20/02/1994	Nữ	Kinh	Tân Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	Chính quy	B	B			02TH	GVTH dạy đại trà	99		99	
28	89	Phạm Thanh	Hậu	27/12/1984	Nam	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	VLVH	B	UDCNTT CB			02TH	GVTH dạy đại trà	99,5		99,5	
29	105	Trần Thị Khánh	Lệ	13/7/1991	Nữ	Kinh	Son Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	VLVH	B	B			02TH	GVTH dạy đại trà	98,5		98,5	
30	106	Đặng Thị Quỳnh	Linh	29/01/1997	Nữ	Kinh	Kiến Giang, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	Chính quy	B1	UDCNTT CB			02TH	GVTH dạy đại trà	100		100	
31	108	Võ Chí	Linh	10/9/1983	Nam	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	VLVH	B	B			02TH	GVTH dạy đại trà	99		99	
32	112	Trương Thị	Ngọc	12/02/1988	Nữ	Kinh	Thái Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	VLVH	B	B			02TH	GVTH dạy đại trà	98,5		98,5	
33	117	Trần Thị Mi	Ni	10/9/1990	Nữ	Kinh	Xuân Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	VLVH	B	C			02TH	GVTH dạy đại trà	99		99	
34	118	Trần Thị Kiều	Oanh	06/6/1997	Nữ	Kinh	Son Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	Chính quy	B	UDCNTT CB			02TH	GVTH dạy đại trà	99		99	
35	120	Nguyễn Việt	Phuong	14/01/1988	Nữ	Kinh	Phong Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	VLVH	B1	UDCNTT CB			02TH	GVTH dạy đại trà	99,5		99,5	
36	126	Phạm Thị	Thùy	05/10/1994	Nữ	Kinh	Xuân Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	VLVH	ĐH	UDCNTT CB			02TH	GVTH dạy đại trà	99		99	
37	128	Lê Thị	Tim	06/6/1992	Nữ	Kinh	Ngư Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	Chính quy	B	B			02TH	GVTH dạy đại trà	99		99	
38	131	Nguyễn Thị Thùy	Trang	29/8/1996	Nữ	Kinh	Kiến Giang, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	Chính quy	TOEIC	UDCNTT CB			02TH	GVTH dạy đại trà	99,5		99,5	
39	133	Đặng Thị Băng	Trinh	18/01/1995	Nữ	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	Liên thông chính quy	B	B			02TH	GVTH dạy đại trà	99		99	
40	134	Đỗ Văn	Trung	02/6/1996	Nam	Kinh	Liên Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	Chính quy	B	UDCNTT CB			02TH	GVTH dạy đại trà	99		99	
41	136	Võ Thị	Tư	12/12/1996	Nữ	Kinh	Son Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Giáo dục tiểu học	Chính quy	B	UDCNTT CB			02TH	GVTH dạy đại trà	100		100	
42	137	Lê Thủy	Diệu	07/7/1991	Nữ	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, QB	CD	SP Âm nhạc	Chính quy	B	B			03TH	GVTH dạy Âm nhạc	95		95	
43	138	Trần Thị Kiến	Trúc	02/8/1991	Nữ	Kinh	Dương Thủy, Lệ Thủy, QB	CD	SP Âm nhạc	Chính quy	B	B			03TH	GVTH dạy Âm nhạc	98		98	
44	141	Trần Thị	Trinh	30/10/1993	Nữ	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	SP Mỹ thuật	Chính quy	B	B			04TH	GVTH dạy Mỹ thuật	70		70	
45	143	Lê Thị Thủy	Diễm	12/10/1993	Nữ	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, QB	Ths ĐH	Toán học SP Toán học	Chính quy	B1	UDCNTT CB			05CS	GVTHCS dạy Toán	75		75	
46	144	Lê Như Thủy	Dung	04/11/1995	Nữ	Kinh	Xuân Thủy, Lệ Thủy, QB	Ths ĐH	Toán học SP Toán học	Chính quy	B1	B			05CS	GVTHCS dạy Toán	99		99	
47	156	Hoàng Việt	Nhật	21/7/1996	Nam	Kinh	Hồng Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	SP Toán học	Chính quy	B	B			05CS	GVTHCS dạy Toán	100		100	
48	157	Dương Thị Hồng	Nhung	14/3/1994	Nữ	Kinh	Son Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	SP Toán học	Chính quy	B	B			05CS	GVTHCS dạy Toán	100		100	
49	163	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	18/8/1993	Nữ	Kinh	Dương Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	SP Toán học	Chính quy	B	UDCNTT CB	CNNCĐ	05CS	GVTHCS dạy Toán	99	5	104		

SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn đăng ký xét tuyển			Chứng chỉ			Đối tượng ưu tiên	Mã số đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm	Kết quả điểm xét tuyển			Ghi chú
							Trình độ	Chuyên ngành	Loại hình đào tạo	Tiếng Anh	Tin học	Khác				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	
168	Phạm Xuân	Tuấn	19/5/1992	Nam	Kinh	Son Thủy, Lệ Thủy, QB	Ths ĐH	Toán học SP Toán học	Chính quy	B1	B			05CS	GVTHCS dạy Toán	95		95	
175	Nguyễn Thị	Phương	17/02/1996	Nữ	Kinh	Sen Thủy, Lệ Thủy, QB	CD	SP Toán - Tin	Chính quy	B	B			06CS	GVTHCS dạy Toán - Tin	97		97	
177	Trần Thị Ngọc	Trang	05/6/1990	Nữ	Kinh	Son Thủy, Lệ Thủy, QB	CD	SP Toán - Tin	Chính quy	B	CD			06CS	GVTHCS dạy Toán - Tin	99		99	
180	Nguyễn Thị	Phương	14/02/1992	Nữ	Kinh	Xuân Thủy, Lệ Thủy, QB	CD	SP Toán - Lý	Chính quy	B	B			07CS	GVTHCS dạy Toán - Lý	75		75	
185	Phan Thị Thu	Hương	24/4/1993	Nữ	Kinh	Mai Thủy, Lệ Thủy, QB	Ths ĐH	Vật lý chất rắn SP Vật lý	Chính quy	A2	B			08CS	GVTHCS dạy Lý	99		99	
190	Hoàng Thị Minh	Hằng	25/4/1989	Nữ	Kinh	Lệ Ninh, Lệ Thủy, QB	Ths ĐH	Văn học nước ngoài Ngữ văn	Chính quy	B2	B	NVSP		09CS	GVTHCS dạy Văn	100		100	
192	Phan Thị	Hiền	13/01/1992	Nữ	Kinh	Mai Thủy, Lệ Thủy, QB	Ths ĐH	LL và PPDH BM Văn - TV Văn học	Chính quy	B1	B	NVSP	Con TB	09CS	GVTHCS dạy Văn	99	5	104	
207	Võ Thị Như	Quỳnh	31/7/1997	Nữ	Kinh	Kiến Giang, Lệ Thủy, QB	ĐH	SP Ngữ văn	Chính quy	B1	UDCNTT CB			09CS	GVTHCS dạy Văn	100		100	
208	Hà Thị	Sao	25/10/1982	Nữ	Kinh	Hồng Thủy, Lệ Thủy, QB	Ths ĐH	LL và PPDH BM Văn - TV SP Ngữ văn	Chính quy	B1	B			09CS	GVTHCS dạy Văn	100		100	
216	Trần Thị	Tuyết	10/12/1990	Nữ	Kinh	Ngư Thủy, Lệ Thủy, QB	Ths ĐH	Ngôn ngữ học/Ngữ văn Văn học	Chính quy	B1	UDCNTT CB	NVSP	Con TB	09CS	GVTHCS dạy Văn	100	5	105	
219	Võ Thị	Thoan	10/10/1992	Nữ	Kinh	Hung Thủy, Lệ Thủy, QB	CD	SP Văn - GDCD	Chính quy	B	B			10CS	GVTHCS dạy Văn - GDCD	93		93	
224	Phạm Thị	Nguyệt	06/3/1989	Nữ	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	SP Văn - Sử	Chính quy	B	B		Con BB	11CS	GVTHCS dạy Văn - Sử	85	5	90	
225	Trần Minh	Nguyệt	24/10/1991	Nữ	Kinh	Lộc Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	SP Văn - Sử	Chính quy	B	B			11CS	GVTHCS dạy Văn - Sử	87		87	
226	Phạm Huyền	Trang	06/4/1989	Nữ	Kinh	Cam Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	SP Văn - Sử	Chính quy	B	B			11CS	GVTHCS dạy Văn - Sử	86		86	
228	Lê Thị	Hóa	20/6/1992	Nữ	Kinh	Lệ Ninh, Lệ Thủy, QB	Ths ĐH	LL và PPDH BM Hóa học SP Hóa học	Chính quy	B1	UDCNTT CB			13CS	GVTHCS dạy Hóa	100		100	
237	Phạm Thị Kim	Oanh	23/4/1989	Nữ	Kinh	Thái Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	B	ĐH	NVSP		14CS	GVTHCS dạy Tin	100		100	
238	Nguyễn Thị	Hiền	01/7/1989	Nữ	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, QB	CD	SP Âm nhạc	Chính quy	B	B			15CS	GVTHCS dạy Nhạc	53		53	
239	Hoàng Minh	Tuấn	28/8/1994	Nam	Kinh	Kiến Giang, Lệ Thủy, QB	CD	SP Âm nhạc	Chính quy	B	B			15CS	GVTHCS dạy Nhạc	70		70	
240	Ngô Thị	Hà	10/11/1994	Nữ	Kinh	Ngư Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	SP Địa lý	Chính quy	B	B			16CS	GVTHCS dạy Địa lý	100		100	
242	Đặng Thị	Hiền	05/6/1988	Nữ	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, QB	Ths ĐH	Địa lý học SP Địa lý	Chính quy	B1	B			16CS	GVTHCS dạy Địa lý	100		100	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn đăng ký xét tuyển			Chứng chỉ			Đổi tượng ưu tiên	Mã số đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm	Kết quả điểm xét tuyển			Ghi c
								Trình độ	Chuyên ngành	Loại hình đào tạo	Tiếng Anh	Tin học	Khác				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	
70	248	Hồ Văn	Tuấn	03/9/1991	Nam	Vân Kiều	Kim Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD thể chất	VLVH	B	UDCNTT CB	Đoàn đội; NVSP	Người DTTS	17CS	GV TPT đội	85	5	90	
71	249	Võ Mạnh	Tuấn	20/02/1991	Nam	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD thể chất	Chính quy	B	B	SC Đoàn đội; NVSP		17CS	GV TPT đội	52		52	
72	250	Dương Thị	Chanh	07/7/1985	Nữ	Kinh	Lộc Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Tiếng Anh	VLVH	B2	UDCNTT CB	Tiếng Trung B; NVSP		18CS	GVTHCS dạy Tiếng Anh	100		100	
73	252	Lê Thị	Huệ	07/10/1989	Nữ	Kinh	Sen Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Ngôn ngữ Anh	VLVH	B2	B	Tiếng Pháp A2; NVSP	Con TB	18CS	GVTHCS dạy Tiếng Anh	98	5	103	
74	259	Thảm Hải	Yến	13/12/1995	Nữ	Kinh	Nam Lý, Đồng Hới, QB	ĐH	Ngôn ngữ Anh	Liên thông chính quy	ĐH	B	Tiếng Pháp C; NVSP		18CS	GVTHCS dạy Tiếng Anh	100		100	
75	260	Lê Thị Hồng	Anh	03/6/1994	Nữ	Kinh	Mỹ Thủy, Lệ Thủy, QB	TC	Y sĩ đa khoa	Chính quy	B	UDCNTT CB			20YT	NV y tế	97		97	
76	261	Lê Thị Hồng	Giang	25/4/1993	Nữ	Kinh	Dương Thủy, Lệ Thủy, QB	TC	Y sĩ	Chính quy	B	B		Con TB	20YT	NV y tế	96	5	101	
77	264	Nguyễn Thị Thu	Hồng	30/7/1991	Nữ	Kinh	Hoa Thủy, Lệ Thủy, QB	TC	Y sĩ đa khoa	Chính quy	B	B			20YT	NV y tế	98		98	
78	265	Trần Thị	Loan	02/7/1992	Nữ	Kinh	Xuân Thủy, Lệ Thủy, QB	TC	Y sĩ	Chính quy	B	B		Con BB	20YT	NV y tế	97	5	102	
79	266	Đỗ Thị Hoa	Lý	11/10/1974	Nữ	Kinh	Mai Thủy, Lệ Thủy, QB	TC	Y sĩ	Chính quy	B	B			20YT	NV y tế	56		56	
80	269	Lê Thuận	Thiện	08/9/1986	Nam	Kinh	Thái Thủy, Lệ Thủy, QB	TC	Y sĩ đa khoa	Chính quy	B	B			20YT	NV y tế	96,5		96,5	
81	272	Nguyễn Trọng Ái	Vân	21/12/1996	Nữ	Kinh	Tân Thủy, Lệ Thủy, QB	TC	Y sĩ	Chính quy	B	B			20YT	NV y tế	69		69	
82	273	Ngô Thị	Phú	27/11/1987	Nữ	Kinh	Sơn Thủy, Lệ Thủy, QB	TC	Thư viện thiết bị	Chính quy	B	B			21TV	NV thư viện thiết bị	83		83	
83	275	Nguyễn Thị	Minh	15/3/1986	Nữ	Kinh	Phong Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Tin học	VLVH	B	ĐH	TBTN		22TBTN	NV thiết bị thí nghiệm	99		99	
84	276	Phan Thị	Thùy	02/9/1989	Nữ	Kinh	Xuân Thủy, Lệ Thủy, QB	CD	CN thiết bị trường học	Chính quy	B	B	TC TBTN		22TBTN	NV thiết bị thí nghiệm	54		54	
85	278	Nguyễn Tình	Oanh	28/4/1982	Nữ	Kinh	Mai Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Tin học ứng dụng	VLVH	B	ĐH			23CNTT	NV công nghệ thông tin	85		85	
86	280	Trần Minh	Tuấn	05/02/1993	Nam	Kinh	Dương Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	B	ĐH			23CNTT	NV công nghệ thông tin	61		61	
87	281	Lê Thị Phương	Nhung	08/8/1990	Nữ	Kinh	Mỹ Thủy, Lệ Thủy, QB	ĐH	GD tiểu học	VLVH	B	B	KNGD trẻ khuyết tật		25HTKT	NV HTGD người khuyết tật	100		100	

Danh sách này gồm có 87 thí sinh./.

Ghi chú: Ở cột đổi tượng ưu tiên, các từ viết tắt có nghĩa như sau:

- "Người DTTS": Người dân tộc thiểu số;
- "Con TB": Con thương binh;
- "Con BB": Con bệnh binh;
- "CNNCD": Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.